TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2022/HS-ST**
Ngày: 19/01/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Hưng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính

Ông Vũ Xuân Dự

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Toại - Kiểm sát viên.

Ngày 19/01/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 108/2021/TLST- HS ngày 29/12/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HS ngày 05/01/2022 đối với:

*** Các bị cáo:**

1. Họ và tên **Ngô Văn C**, sinh năm 1969 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; ĐKHKTT: khối 9, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi đăng ký hộ khẩu tạm trú tại: xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn T (đã chết) con bà Nguyễn Thị T1 (đã chết); có vợ là Đào Thị L và có 03 con: con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 1998. Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Họ và tên **Đỗ Văn T**, sinh năm 1974 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T2 (đã chết) con bà Mai Thị H1; có vợ là Bùi Thị T3 và có 03 con: con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2001. Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. Họ và tên **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1979 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: khối 3, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T4 (đã chết) con bà Nguyễn Thị T5; có vợ là Trần Thị M và có 03 con: con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

4. Họ và tên **Trần Văn D**, sinh năm 1970 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: xóm 6, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ(đã chết) con bà Lưu Thị D1; có vợ là Bùi Thị H2 và có 03 con: con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2009. Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

5. Họ và tên **Lương Văn H3**, sinh năm 1970 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn N (đã chết) con bà Trương Thị M1; có vợ là Phạm Thị H4 và có 03 con: con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2005. Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

6. Họ và tên **Phạm Văn K**, sinh năm 1963 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: xóm 7C, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S(đã chết) con bà Ngô Thị S1 (đã chết); có vợ là Trần Thị Soi và có 06 con: con lớn nhất sinh năm 1982, con nhỏ nhất sinh năm 1995. Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

7. Họ và tên **Phạm Văn V**, sinh năm 1985 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Viết V1 con bà Nguyễn Thị H5; có vợ là Phạm Thanh H6 và có 02 con: con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

*** Người làm chứng**: chị Đào Thị L, anh Nguyễn Văn C1 "vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 15/9/2021, Đỗ Văn T cùng với Nguyễn Văn H, Trần Văn D ăn cơm tại lều đầm nuôi hải sản của gia đình Ngô Văn C tại xóm 5, xã Kim Hải, huyện K. Sau khi ăn xong cả 04 người ngồi trên chiếu uống nước, nói chuyện, C rủ mọi người đánh bạc ăn tiền bằng hình thức đánh "phỏm" H, T đồng ý. C mua 01 bộ tú lơ khơ 52 quân tại quán tạp hóa nhà bà Vũ Thị T6; trú tại xóm 9, xã C. Khoảng 14 giờ cùng ngày C, T, H bắt đầu đánh bạc bằng hình thức "phỏm", đặt cược mỗi ván từ 10.000 đồng đến 40.000 đồng, D ngồi xem. Khoảng 30 phút sau Lương Văn H3 đến cùng tham gia đánh bạc, do thấy đông người nên C nói chuyển sang đánh "Liêng" đặt cược mỗi ván từ 10.000 đồng đến 50.000 đồng, tất cả đồng ý, lúc này D cũng vào tham gia đánh bạc. Khoảng 30 phút sau lần lượt Phạm Văn V và Phạm Văn K đến cùng tham gia đánh bạc. Các bị cáo đánh bạc đến 17 giờ 20 phút cùng ngày thì bị Công an huyện K phối hợp với Công an xã K phát hiện bắt quả tang, Đỗ Văn T bỏ chạy mang theo 30.000 đồng.

Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 1.200.000 đồng, 01 bộ tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc chiếu cói, 05 điện thoại di động các loại (gồm Samsung Galaxy A02s của Võ, Oppo A3S của D, Iphone 5 SE của H, Oppo Reno 2F và Nokia 230 của K), 02 ví da của K và D (trong ví của K có 700.000 đồng, của D có 2.500.000 đồng), thu trên người H số tiền 1.000.000 đồng, H3 1.870.000 đồng. Đỗ Văn T tự nguyện giao nộp số tiền 30.000đồng.

Qua điều tra xác định số tiền thu trên người, trong ví của K, D, H, H3 đều sử dụng vào việc đánh bạc. Như vậy tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 7.300.000 đồng.

Bản cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 28/12/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình truy tố các bị cáo Ngô Văn C, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn H, Trần Văn D, Lương Văn H3, Phạm Văn K và Phạm Văn V về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Ngô Văn C, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn H, Trần Văn D, Lương Văn H3, Phạm Văn K và Phạm Văn V phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 (áp dụng thêm khoản 2 đối với bị cáo T) Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Ngô Văn C từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo Đỗ

Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ các bị cáo từ 5% đến 10% thu nhập hàng tháng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo C và bị cáo T mỗi bị cáo từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Áp dụng: khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 (áp dụng thêm khoản 2 đối với bị cáo Dũng) Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lương Văn H3 từ 30 triệu đồng đến 35 triệu đồng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 30 triệu đồng đến 35 triệu đồng.

Xử phạt bị cáo Trần Văn D từ 25 triệu đồng đến 30 triệu đồng.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn K từ 25 triệu đồng đến 30 triệu đồng.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn V từ 25 triệu đồng đến 30 triệu đồng.

Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác: Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu cho tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và 01 chiếu cói. Tịch thu để sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 7.300.000 đồng. Trả lại cho bị cáo Võ 01 điện thoại nhãn hiệu SamSung Galaxy A02S; bị cáo Dũng 01 điện thoại OPPO A3S và 01 ví da cũ; bị cáo H 01 điện thoại Iphone 5SE; bị cáo K 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO Reno 2F và 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 230 và 01 ví da cũ, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận đã thực hiện toàn bộ hành vi nêu trên và không có ý kiến gì khác, không tranh luận với luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận khoảng thời gian từ 14 giờ ngày 15/9/2021 đến khoảng 17 giờ 20 phút cùng ngày tại lều coi đầm của bị cáo Ngô Văn C tại xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Các bị cáo Ngô Văn C, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn H, Trần Văn D, Lương Văn H3, Phạm Văn K và bị cáo Phạm Văn V đã có hành vi dùng bộ bài tú lơ khơ 52 quân đánh bạc ăn tiền dưới hình thức chơi "Phỏm" sau đó chuyển sang chơi "Liêng". Cụ thể, dùng bộ bài tú lơ khơ 52 quân chia cho mỗi người 03 quân bài; trước mỗi ván bài, mỗi người phải đặt trước số tiền 10.000 đồng gọi là "đóng gà", sau khi lên bài mỗi người được đặt thêm tiền gọi là "tố", "tố" tối đa là 50.000 đồng;

người nào không theo là thua hết số tiền đặt; người nào theo thì đọ bài, người thắng sẽ được toàn bộ số tiền "đóng gà" và số tiền "tố". Việc thắng thua dựa trên kết quả đọ bài như sau: bài to nhất là "sáp" (nghĩa là 3 quân bài giống nhau theo hàng ngang) mà to nhất là 3 quân "A"; tiếp theo đến "liêng" (nghĩa là 3 quân bài theo hàng dọc) mà to nhất là Q-K-A; tiếp theo là "bộ đội" (3 quân bài J-Q-K không theo hàng dọc) mà to nhất là K-K-Q; cuối cùng là "tính nước' (nghĩa là lấy hàng đơn vị của tổng số điểm 3 quân bài làm nước) cao nhất là 9 nước thấp nhất là 0 nước. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 7.300.000 đồng, thì bị Công an huyện K phát hiện bắt quả tang. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản vi phạm hành chính lập ngày 15/9/2021; Lời khai của những người làm chứng đã có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh "Liêng" của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, nhưng vẫn cố ý thực hiện, hành vi đó gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự ở địa phương, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc"

Điều 321. Tội đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

……

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

Từ sự phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định các bị cáo Ngô Văn C, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn H, Trần Văn , Lương Văn H3, Phạm Văn K và Phạm Văn V phạm vào tội "Đánh bạc", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự như đã được viện dẫn. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Đây và vụ án có nhiều bị cáo tham gia nhưng là vụ án đồng phạm giản đơn

nên khi xem xét, quyết định hình phạt cũng cần phân tích đánh giá tính chất, vai trò, trách nhiệm của từng bị cáo để cá thể hóa mức hình phạt cho phù hợp:

Đối với bị cáo Ngô Văn C, có nhân thân thân tốt, tuy nhiên bị cáo lại giữ vai trò cao nhất trong vụ án, bị cáo là người khởi sướng, trực tiếp tham gia đánh bạc và sử dụng địa điểm thuộc quyền quản lý của mình để các bị cáo khác sát phạt nhau. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo *"thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"* và "*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*" quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có thể tự cải tạo được, nên chỉ cần áp dụng loại hình phạt cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập và phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Đỗ Văn T, cũng có nhân thân tốt, nhưng sau khi được bị cáo C rủ rê đánh bạc đã tích cực tham gia ngày từ đầu, khi bị Công an phát hiện bắt quả tang đã bỏ chạy, gây khó khăn cho việc điều tra, xử lý. Nên bị cáo T có vai trò thứ 2 trong vụ án. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo *"thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"*; "*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*" và có bố, mẹ đẻ là người có công với cách mạng quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có thể tự cải tạo được, nên chỉ cần áp dụng loại hình phạt cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập và phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo, cũng đủ răn đe và giúp các bị cáo nhìn nhận ra lỗi lầm của mình.

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Văn D, Lương Văn H3, Phạm Văn K và Phạm Văn V cũng có nhân thân tốt, đều là người thực hành, các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng; về tình tiết giảm nhẹ, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ *"thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"* và "*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*" quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; riêng bị cáo Trần Văn D có bố đẻ là người có công với cách mạng nên áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có thể tự cải tạo được, nên chỉ cần áp dụng loại hình phạt tiền là hình phạt chính, cũng đủ răn đe và giúp các bị cáo nhìn nhận ra lỗi lầm của mình. Căn cứ vào số tiền sử dụng vào việc đánh bạc, thời gian đánh bạc, mức hình phạt tiền của các bị cáo được xác định từ cao đến thấp theo thứ tự các bị cáo Lương Văn H3, Nguyễn Văn H, Trần Văn D, Phạm Văn K và Phạm Văn V.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt các bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội, đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Đối với 05 điện thoại di động và 02 ví da cũ, cụ thể: Thu giữ của bị cáo V 01 điện thoại nhãn hiệu SamSung Galaxy A02S; thu giữ của bị cáo D 01 điện thoại OPPO A3S và 01 ví da cũ; thu giữ của bị cáo H 01 điện thoại Iphone 5SE và thu giữ của bị cáo K 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO Reno 2F và Nokia 230 và 01 ví da cũ. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác định các điện thoại nói trên và 02 ví da cũ không sử dụng vào việc đánh bạc, nên trả lại cho các bị cáo, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và 01 chiếu cói. Đây là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc đánh bạc, do giá trị sử dụng còn lại thấp, nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với số tiền 7.300.000 đồng là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, nên cần phải tịch thu để sung vào ngân sách Nhà nước.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 (áp dụng thêm khoản 2 đối với bị cáo T) Điều 51; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ngô Văn C và bị cáo Đỗ Văn T.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 (áp dụng thêm khoản 2 đối với bị cáo D) Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lương Văn H3, Nguyễn Văn H, Trần Văn D, Phạm Văn K và Phạm Văn V.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Ngô Văn C, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn H, Lương Văn H3, Trần Văn D, Phạm Văn K và Phạm Văn V phạm tội **"Đánh bạc"**.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Ngô Văn C **12** ***(mười hai)*** tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo C cho UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã K giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo C trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, để nộp ngân sách nhà nước.

Phạt bổ sung bị cáo C số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, để nộp vào ngân sách Nhà nước.

2.2. Xử phạt bị cáo **Đỗ Văn T 09** ***(chín)*** tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo T cho UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã K giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo T trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, để nộp ngân sách nhà nước.

Phạt bổ sung bị cáo T số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, để nộp vào ngân sách Nhà nước.

2.3. Xử phạt bị cáo Lương Văn H3 33.000.000 (ba mươi ba triệu) đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

2.4. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

2.5. Xử phạt bị cáo Trần Văn D 27.000.000 (hai mươi bảy triệu) đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

2.6. Xử phạt bị cáo Phạm Văn K 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

2.7. Xử phạt bị cáo Phạm Văn V 23.000.000 (hai mươi ba triệu) đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Xử lý vật chứng và và biện pháp tư pháp:

- Tịch thu cho tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và 01 chiếu cói.
- Tịch thu để sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 7.300.000 đồng.

- Trả lại cho bị cáo V 01 điện thoại nhãn hiệu SamSung Galaxy A02S; bị cáo D 01 điện thoại OPPO A3S và 01 ví da cũ; bị cáo H 01 điện thoại Iphone 5SE; bị cáo K 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO Reno 2F và 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 230 và 01 ví da cũ, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

(Chi tiết như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/12/2021 và Ủy nhiệm chi ngày 24/12/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

4. Án phí: Buộc các bị cáo Ngô Văn C, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn H, Trần Văn D, Lương Văn H3, Phạm Văn K và Phạm Văn V mỗi bị cáo phải nộp 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện K;*
- *VKSND tỉnh Ninh Bình;*
- *Công an huyện K;*
- *THADS huyện K;*
- *Bị cáo;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Hưng